

CLTÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 121/2024/HS-ST
Ngày: 17-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Hoạt

Ông Nguyễn Bình Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C - tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 167/2024/HSST ngày 26 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Hồ Thị T, sinh ngày 16 tháng 02 năm 1961 tại Khánh Hòa. Nơi cư trú: Tổ dân phố LT, phường CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Nghề nghiệp: lao động tự do. Trình độ văn hóa: 0/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Hồ Đ (đã chết) và bà: Lê Thị M (đã chết). Chồng: Nguyễn Ngọc S (đã chết). Con: có 06 con, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1992. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/8/2024. (Có mặt).

- Bị hại: Nguyễn Thị L, sinh năm: 1956. Nơi cư trú: Tổ dân phố SL, phường BN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

- Người làm chứng:

+ Nguyễn Đức A, sinh năm: 1950. Nơi cư trú: Tổ dân phố LT, phường CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

+ Phạm Thị G sinh năm: 1968. Nơi cư trú: Tổ dân phố LP, phường CI, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồ Thị T và Nguyễn Thị L có mâu thuẫn về việc nợ tiền. Khoảng 08 giờ ngày 04/4/2024, T điều khiển xe mô tô 79U2-1003 chở Nguyễn Đức A đi trên đường Nguyễn Trọng Kỷ hướng đại lộ Hùng Vương-Cảng C thì thấy bà L điều khiển xe mô tô 79Z1-078.51 đi hướng ngược lại. T

nói A xuống xe chờ còn T điều khiển xe đuổi theo L để đòi tiền nợ. T điều khiển xe đến khu vực ngã ba giao nhau giữa đường Nguyễn Trọng Kỳ và đại lộ Hùng Vương thuộc tổ dân phố LH, phường CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa thì L dừng xe để qua đường, T dừng xe song song sát bên trái xe mô tô bà L và nói bà L đóng tiền huê nhưng bà L không đồng ý vì T còn nợ tiền của mình. Thấy bà L đeo túi xách da màu đen trên vai, T dùng tay phải giật túi xách rồi lên xe bỏ đi.

Sau khi giật túi xách của bà L, T quay lại chở Tài đến quán bánh canh của bà Phạm Thị G ở tổ dân phố LP, phường CI, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa đến ăn sáng. Tại đây, T kiểm tra trong túi xách có 01 gói thuốc lá hiệu Bastos, 03 gói cà phê tan hiệu Nescafe 3 in 1, 02 tờ vé số ngày 25/3/2024 do Xổ số kiến thiết Thừa Thiên Huế ban hành, 02 tờ vé số ngày 31/3/2024 do Xổ số kiến thiết Kon Tum ban hành, 03 tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 02 đô la và một số giấy tờ tùy thân. Sau đó, T đưa túi xách về nhà cất giữ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 80/KL-HĐĐGTS ngày 07/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố C kết luận: 01 gói thuốc lá hiệu Bastos trị giá 10.000 đồng, 03 gói cà phê tan hiệu Nescafe 3 in 1 trị giá 7.500 đồng, 01 túi xách màu đen trị giá 10.000 đồng, 02 tờ vé số ngày 25/3/2024 do Xổ số kiến thiết Thừa Thiên Huế ban hành và 02 tờ vé số ngày 31/3/2024 do Xổ số kiến thiết Kon Tum ban hành không còn giá trị. Tổng giá trị 27.500 đồng.

Tại Công văn số 1109/KHH-THKT ngày 03/10/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam-chi nhánh Khánh Hòa cung cấp tỷ giá của Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ áp dụng ngày 04/4/2024 là 24.038 VNĐ/USD.

Nguyễn Thị L khai nhận trong túi xách mà T giật có số tiền 7.600.000 đồng nhưng T không thừa nhận và các tài liệu thu thập được trong hồ sơ chưa đủ căn cứ để chứng minh trong túi xách có số tiền này.

Nguyễn Đức A không biết T giật túi xách của bà L nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

Tại bản cáo trạng số 133/CT-VKSCR-HS ngày 22/11/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C đã truy tố bị cáo T về tội: “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo T về điều khoản như trên của bản cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được bị cáo bồi thường 7.600.000 đồng, không yêu cầu bồi thường thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo ăn năn hối hận vì đã gây ra hành vi vi phạm pháp luật nên đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, người làm chứng Phạm Thị G vắng mặt. Tuy nhiên, bà G đã có lời khai trong hồ sơ, sự vắng mặt của bà không ảnh hưởng đến việc xét xử đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng Phạm Thị G.

[1.2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ và thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong hồ sơ và tại phiên tòa, bị cáo Hồ Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hồ Thị T và Nguyễn Thị L có mâu thuẫn về việc nợ tiền. Khoảng 08 giờ ngày 04/4/2024, tại khu vực ngã ba giao nhau giữa đường Nguyễn Trọng Kỷ và đại lộ Hùng Vương thuộc tổ dân phố LH, phường CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; Hồ Thị T đã có hành vi cướp giật 01 túi xách da màu đen bên trong có các tài sản với tổng giá trị 171.728 đồng của bà Nguyễn Thị L.

Hành vi của bị cáo T có đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Do đó, cáo trạng số 133/CT-VKSCR-HS ngày 22/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố bị cáo T về điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản và quyền nhân thân của người khác là một trong những khách thể quan trọng được Luật hình sự bảo vệ gây mất an ninh trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý nghiêm khắc để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy, cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo, trở thành công dân tốt và không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được bị cáo bồi thường 7.600.000 đồng và nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hồ Thị T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 293 và khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Hồ Thị T 01 (Một) năm tù cho hưởng án treo về tội “Cướp giật tài sản”; thời gian thử thách là 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17/12/2024).

Giao bị cáo Hồ Thị T cho Ủy ban nhân dân phường CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo, nếu thay đổi nơi cư trú thì được thi hành theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được bị cáo bồi thường 7.600.000 đồng và nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về án phí: Bị cáo Hồ Thị T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Chánh án TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p C;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an t.p C;
- Cơ quan thi hành án hình sự t.p C;
- CCTHADS t.p C;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Công